

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **3243** /UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 6 năm 2024

V/v xây dựng kế hoạch và  
dự toán kinh phí hỗ trợ  
DNNVV năm 2025 và  
giai đoạn 2025-2027

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 4261/BKHĐT-PTDN ngày 03/6/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV; hỗ trợ DN khu vực tư nhân kinh doanh bền vững; UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ DNNVV 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

a) Kết quả thực hiện hỗ trợ công nghệ; tư vấn; đào tạo; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị 6 tháng đầu năm 2024: Chưa thực hiện.

b) Thuận lợi, khó khăn khi triển khai hoạt động hỗ trợ cho DNNVV.

\* *Thuận lợi:*

- Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ DNNVV theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP;

- UBND tỉnh Quảng Ngãi đã phê duyệt Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025 tại Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021.

\* *Khó khăn*

- Đối với nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022:

(1) Nội dung hỗ trợ quy định ngân sách nhà nước là (30%), (50%), (70%) giá trị hợp đồng, không quá (70 triệu đồng), (100 triệu đồng), (150 triệu đồng)



/năm/doanh nghiệp còn lại DNNVV chi trả phần còn lại là (70%), (50%), (30%) giá trị hợp đồng. **DNNVV không được tham gia trực tiếp lựa chọn tư vấn viên, đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ về (nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp)** theo nhu cầu DNNVV đang cần thiết hỗ trợ; Nhưng khi đăng ký để nhận sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước DNNVV phải nộp phần phân kinh phí còn lại tương ứng là (70%), (50%), (30%) giá trị hợp đồng tùy theo nhu cầu đăng ký hỗ trợ cho Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện **tổ chức đấu thầu lựa chọn tư vấn viên, đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho DNNVV theo quy định của pháp luật về đấu thầu**; trong khi DNNVV không biết được tư vấn viên, đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ do Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV tổ chức đấu thầu lựa chọn cho DNNVV có phù hợp với nhu cầu thực tế từng DNNVV đang cần hay không, nhưng phải trả nộp phần kinh phí (70%), (50%), (30%) giá trị hợp đồng để được nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là không phù hợp thực tế nhu cầu DNNVV và có tính chất chung chung, cào bằng, không đúng với nhu cầu thực tế DNNVV cần được hỗ trợ hiện nay.

(2) Việc lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu do Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện; chưa quy định rõ **định mức, đơn giá** việc thuê tư vấn tổ chức đấu thầu **lựa chọn tư vấn viên, đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho DNNVV** tại Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT, nên rất khó cho Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV việc tổ chức đấu thầu.

(3) Việc **tổ chức giám sát hợp đồng tư vấn viên, đơn vị cung cấp dịch vụ** hỗ trợ cho DNNVV chưa quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT, nên rất khó cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV tổ chức nghiệm thu, sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ và thanh toán, quyết toán phần giá trị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

(4) Doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng tiêu chí về doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Điều 20 và tiêu chí hỗ trợ doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị quy định tại khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT; yêu cầu DNNVV phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí quá cao so với điều kiện thực tế tại DNNVV hiện nay cần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; vì vậy, DNNVV trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi khó có thể đáp theo quy định để được nhận các chính sách hỗ trợ tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP cũng như việc hỗ trợ lãi suất là 2%/năm thông qua các tổ chức tín dụng.

- Đối với nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023:

Tại khoản 9, điều 3 quy định: “a) Đối với nội dung chi có quy định cụ thể tiêu chuẩn, định mức tại các văn bản pháp lý do cơ quan có thẩm quyền ban hành: xác định chi phí theo đúng chế độ quy định. b) Đối với nội dung chi chưa có quy định cụ thể tiêu chuẩn, định mức: xác định chi phí căn cứ trường hợp cụ



*thể, tính chất, phạm vi và các yếu tố liên quan, có tham khảo chi phí tương tự đã thực hiện trong thời hạn 12 tháng (nếu có) tính đến thời điểm xác định chi phí”;*

Tuy nhiên, các nội dung chi tiết hỗ trợ DNNVV quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ rất mới chưa có địa phương nào tổ chức hỗ trợ DNNVV để có cơ sở tham khảo tiêu chuẩn, định mức, đơn giá cụ thể; nhưng nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 52/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng áp dụng **“tiêu chuẩn, định mức, đơn giá”** tại thông tư số 194/2012/TT-BTC, số 102/2012/TT-BTC, số 02/2015/TT-BLĐTBXH, số 152/2016/TT-BTC, Thông tư số 40/2017/TT-BTC, số 36/2018/TT-BTC, số 71/2018/TT-BTC ..v.v.. các thông tư áp dụng nêu trên **“tiêu chuẩn, định mức, đơn giá”** đã lâu, đơn giá thấp, không phù hợp với thực tế hiện nay và hướng dẫn chung chung chưa có định mức, đơn giá cho từng nội dung công cụ thể hỗ trợ DNNVV tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP để Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV lập dự toán, sử dụng kinh phí hỗ trợ DNNVV đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ, hiệu quả, tiết kiệm trong sử dụng kinh phí; tính trung thực, chính xác, minh bạch, đầy đủ pháp lý của hồ sơ, chứng từ liên quan; thu, chi, hạch toán, quyết toán và lưu trữ hồ sơ theo đúng chế độ quy định tại khoản 4, điều 4, Thông tư 52/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

c) Kiến nghị:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tham mưu ban hành chi tiết cụ thể **“Sổ tay hướng dẫn hỗ trợ DNNVV”** đến các Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV có đầy đủ căn cứ thực hiện đảm bảo quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ DNNVV, hợp lý, hợp lệ, hiệu quả, tiết kiệm trong sử dụng kinh phí; tính trung thực, chính xác, minh bạch, đầy đủ pháp lý của hồ sơ, chứng từ liên quan; thu, chi, hạch toán, quyết toán và lưu trữ hồ sơ theo đúng chế độ quy định.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tham mưu ban hành việc lựa chọn tư vấn viên, đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ giao cho cho DNNVV **lựa chọn phù hợp với nhu cầu hỗ trợ DNNVV**; Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV kiểm tra, giám sát đảm bảo các nội dung hỗ trợ DNNVV, tiến hành hỗ trợ phân ngân sách nhà nước theo quy định.

- Đối với việc thực hiện nội dung Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến: UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ USAID thông qua Dự án LinkSME triển khai nhiều Chương trình đào tạo thiết thực hiệu quả cho DNNVV trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thường xuyên tổ chức tập huấn, đào tạo cho đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ DNNVV của các địa phương.

**2. Số liệu tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ DNNVV 6 tháng đầu năm 2024:** Tổng kinh phí đã thực hiện hỗ trợ DNNVV: Không đồng.

## II. ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NSNN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA NĂM 2025 VÀ GIAI ĐOẠN 2025-2027

1. Tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV năm 2025

a) Tổng kinh phí đề nghị để hỗ trợ DNNVV: **58.369** triệu đồng.

Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách trung ương: 16.108 triệu đồng.
- Từ nguồn ngân sách địa phương: 10.303 triệu đồng.
- Từ nguồn đóng góp, chi trả của DNNVV: 31.958 triệu đồng.
- Từ nguồn huy động, tài trợ: 0 đồng.

b) Chi tiết số liệu tại Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3.

### 2. Tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV giai đoạn 2025-2027

a) Tổng kinh phí đề nghị để hỗ trợ DNNVV: 220.798 triệu đồng.

Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách trung ương: 88.419 triệu đồng.
- Từ nguồn ngân sách địa phương: 10.303 triệu đồng.
- Từ nguồn đóng góp, chi trả của DNNVV: 122.076 triệu đồng.
- Từ nguồn huy động, tài trợ: 0 đồng.

b) Chi tiết số liệu tại Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3.

Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, KH&CN, Công Thương, TT&TT, NN&PTNT;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - CN Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTHtr21.



**Võ Phiên**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

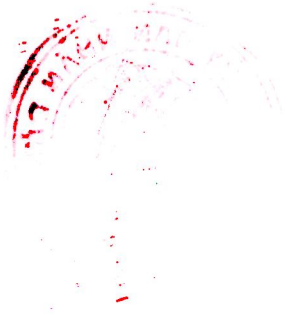
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Biểu 1: Tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV năm 2025  
UBND-KTTH ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	DVT	Số lượng	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn			Căn cứ				Ghi chú	
				Đơn giá	Thành tiền/Tổng chi phí	NSNN hỗ trợ	Từ tài trợ, đóng góp	Từ học phí của học viên/DNNVV đóng góp	Tỷ lệ % NSNN	Số tiền tối đa NSNN hỗ trợ/ đơn vị tỉnh	Điều, khoản tham chiếu	TT	TT		
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h=g*k	i	j=f-h-i	k	l	m	n	o	p
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV</b>														
1	Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV	DN	410		57.460	51.460	25.730	0	31.730						
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo</b>														
1	Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo	DN	12		590	590	400	0	190						
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV</b>														
1	Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	Khoá	5		159	159	121	0	38						
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị</b>	DN													
1	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị		2		160	160	160	0	0	100	80				
	<b>Tổng cộng (=I+II+III+IV)</b>				<b>58.369</b>	<b>52.369</b>	<b>26.411</b>	<b>-</b>	<b>31.958</b>						





ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Biểu 2: Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV về công nghệ; tư vấn; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

DVT: Triệu đồng

TT	Hoạt động/ Nội dung	DVT	Chi phí thực tế					Phân chia nguồn					Căn cứ		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Tổng chi phi)	Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	NSNN hỗ trợ	Từ tài trợ nếu có	Từ học phí của viên/DNNVV đóng góp	Tỷ lệ % NSNN	Số tiền tối đa NSNN hỗ trợ/ đơn vị tính	Nghị định 80/2021/NĐ- CP	TT 06/2022/TT- BKHD	TT 52/2023/TT- BTC	
a	b	c	d	e	$f=d*e$	g	$h=g*k$	i	$j=f-h-i$	k	l	m	n	o	
1	Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV (=1+2+3+4)		410		57.460	51.460	25.730	0	31.730			Điều 11			
1	Hỗ trợ tư vấn giải pháp chuyển đổi số	DN	4		500	500	250	0	250	50%		Khoản 1 Điều 11	Khoản 1 Điều 4	Khoản 1, 2, 3 Điều 6	
1.1	Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ	DN	50		5.000	5.000	2.500	0	2.500	50%					
1.2	Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa	DN	50		200	10.000	5.000	0	5.000	50%	100				
2	Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số	DN	3		340	340	170	0	170	50%		Khoản 2 Điều 11	Điều 7	Khoản 1, 2, 3 Điều 6	
2.1	Hỗ trợ thuê, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp siêu nhỏ	DN	100		80	8.000	4.000	0	6.000	50%	20				
2.2	Hỗ trợ thuê, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ	DN	100		120	12.000	10.000	0	7.000	50%	50				

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Căn cứ				
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Tổng chi phí)	NSNN hỗ trợ		Từ tài trợ nếu có	Từ học phí của học viên/DNNVV đóng góp	Tỷ lệ % NSNN	Số tiền tối đa NSNN hỗ trợ/ đơn vị tính	Nghị định 80/2021/NĐ- CP	TT 06/2022/TT- BKĐĐT	TT 52/2023/TT- BTC
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ							
2.3	Hỗ trợ thuê, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa	DN	100	200	20.000	20.000	10.000	0	10.000	50%	100			
3	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp, tư vấn quản lý và phát triển sản phẩm	DN	1	200	200	200	100	0	100	50%	100	Khoản 3 Điều 11	Khoản 1 Điều 4	Khoản 1, 2, 3 Điều 6
4	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp	DN	2	200	400	400	200	0	200	50%	100	Khoản 4 Điều 11	Khoản 1 Điều 4	Khoản 1, 2, 3 Điều 6
II	Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (=1+2+3+4+5+6)		12	0	590	590	400	0	190			Điều 22		
1	Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung	DN					0					Khoản 1 Điều 22		Điều 7
2	Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ	DN	4		140	140	140	0	0	100%		Khoản 2 Điều 22		Khoản 1, 2, 3 Điều 6
3	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới	DN	5		230	230	150	0	80	50%- 100%		Khoản 3 Điều 22		Điều 7



TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Chi phí thực tế										Phân chia nguồn				Căn cứ	
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Tổng chi phí)	NSNN hỗ trợ		Tư tài trợ nếu có	Tư học phí của học viên/DNNVV đóng góp	Tỷ lệ % NSNN	Số tiền tối đa NSNN hỗ trợ/ đơn vị tính	Nghị định 80/2021/NĐ-CP	TT BKHDĐT	TT BTC				
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ											
4	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp	DN	1		200	200	100	0	100	50%	100	Khoản 4 Điều 22		Khoản 1, 2, 3 Điều 6				
5	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu	DN	2		20	20	10	0	10	50%		Khoản 5 Điều 22		Điều 7				
III	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (=1+2+3+4+5)		4	80	160	160	160	0	0									
1	Hỗ trợ đào tạo						0	0	0			Khoản 1 Điều 25		Điều 7				
2	Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh	DN					0	0	0			Khoản 2 Điều 25						
3	Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường		2	50	100	100	100	0	0	100%	50	Khoản 3 Điều 25		Điều 7				
4	Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng						0	0	0			Khoản 4 Điều 25		Điều 6				
4.3	Chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	DN					0	0	0	100%	20.000.000							
5	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng	DN	2	30	60	60	60	0	0	100%	30	Khoản 5 Điều 25		Điều 7				
	<b>Tổng cộng (=I+II+III)</b>		<b>426</b>	<b>80</b>	<b>58.210</b>	<b>52.210</b>	<b>26.290</b>	<b>0</b>	<b>31.920</b>									

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 3: Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV về đào tạo năm 2025

UBND-KTTH ngày 20 tháng 06 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung (khóa đào tạo/địa bàn)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền/tổng chi phí tổ chức	NSNN hỗ trợ		Nguồn tài trợ (nếu có)	Tư học phí của viên/DNNVV đóng góp	Tỷ lệ, định mức tối đa tại ND 80/2021/NĐ-CP	Điều, khoản tham chiếu		Ghi chú	
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ				Điều, khoản	Điều, khoản		
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h	i	j=g-h-i	k	l	m	n	o
1	Khóa đào tạo khởi sự kinh doanh	Khoá	2	16	32	32	32		0	100%	Khoản 1 Điều 14			
2	Khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cơ bản	Khoá	1	27	27	27	19		8	70%	Khoản 1 Điều 14			
3	Khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu	Khoá	1	52	52	52	36		16	70%	Khoản 1 Điều 14			
4	Khóa đào tạo tại doanh nghiệp sản xuất, chế biến	Khoá	1	48	48	48	34		14	70%	Khoản 3 Điều 14			
Tổng cộng:					159	159	121	0	38					





Điều 1: Tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV giai đoạn 2025-2027  
 (Bản hành kèm Công văn số 343/UBND-KTTH ngày 20 tháng 06 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền/Tổng chi phí	Phân chia nguồn				Căn cứ				Ghi chú	
						NSNN hỗ trợ		Tự tài trợ, đóng góp	Tự học phí của học viên/DNNVV đóng góp	Tỷ lệ, định mức tối đa tại NB 80/2021/NĐ-CP		Điều, khoản tham chiếu			
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h=g*k	i	j=f-h-i	k	l	m	n	o	p
I	Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV														
I	Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV		1.600		220.000	220.000	98.000	0	122.000						
II	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV														
I	Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	Khoá	10		318	318	242	0	76						
III	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị														
I	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị		6	80	480	480	480	0	-	100	80	Điểm d, Khoản 3 điều 25; Khoản 5 Điều 25	Khoản 2, 3, điều 4	Điều 7	
<b>Tổng cộng (=I+II+III)</b>			<b>1.616</b>	<b>80</b>	<b>220.798</b>	<b>220.798</b>	<b>98.722</b>	<b>0</b>	<b>122.076</b>						





ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 2: Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV về công nghệ, tư vấn; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị giai đoạn 2025-2027  
(Ban hành kèm Công văn số ~~384~~ UBND-KTTH ngày 20 tháng 06 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



DVT: Triệu đồng

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn					Tỷ lệ định mức tối đa từ NP 80/2021/NĐ-CP		Căn cứ			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Tổng chi phí)	NSNN hỗ trợ	Từ tài trợ nếu có	Từ học phí của học viên/DNNVV đóng góp	Tỷ lệ % NSNN	Số tiền tối đa NSNN hỗ trợ/ đơn vị tính	Điều, khoản tham chiếu	TT	Thông tư			
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h=g*k	i	j=f-h-i	k	l	m	n	o	p	
I	Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV (=1+2+3+4)		1.600		220.000	220.000	98.000	0	122.000			Điều 11				
1	Hỗ trợ tư vấn giải pháp chuyên đổi số	DN							0			Khoản 1 Điều 11	Khoản 1 Điều 4			
1.1	Hỗ trợ tư vấn chuyên đổi số cho doanh nghiệp nhỏ	DN	200	100	20.000	20.000	10.000		10.000	50%	50					
1.2	Hỗ trợ tư vấn chuyên đổi số cho doanh nghiệp vừa	DN	200	200	40.000	40.000	20.000		20.000	50%	100					
2	Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyên đổi số	DN							0			Khoản 2 Điều 11	Điều 7			
2.1	Hỗ trợ thuê, mua giải pháp chuyên đổi số cho doanh nghiệp siêu nhỏ	DN	400	80	32.000	32.000	8.000		24.000	50%	20					





TT	Hoạt động/ Nội dung	DVT	Chi phí thực tế				Phân chia nguồn						Điều, khoản tham chiếu		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Tổng chi phí)	NSNN hỗ trợ	Từ tài trợ nếu có	Từ học phí của học viên/DNN VV đóng góp	Tỷ lệ % NSNN	Số tiền tối đa NSNN hỗ trợ/ đơn vị tính	Nghị định số	TT	Thông tư		
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h=g*k	i	j=f-h-i	k	l	m	n	o	p
5	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng	DN	6	30	180	180	180	0	0	10	30	Khoản 5 Điều 25			
	<b>Tổng cộng (=I+II)</b>		<b>1.612</b>	<b>80</b>	<b>220.480</b>	<b>220.480</b>	<b>98.480</b>	<b>0</b>	<b>122.000</b>						

Tỷ lệ định mức tối đa từ ND 80/2021/ND-CP

Điều, khoản tham chiếu

Nghị định số 80/2021/ND-CP

TT BKHDT

Thông tư 52/2023/TT-BTC



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điều 3: Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV về đào tạo giai đoạn 2025-2027  
Ban hành kế hoạch Công văn số **328** UBND-KTTH ngày **20** tháng 06 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung (khóa đào tạo/địa bàn)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền/tổng chi phí tổ chức	Phân chia nguồn				Căn cứ				Ghi chú	
						NSNN hỗ trợ		Nguồn tài trợ (nếu có)	Tự học phí của học viên/DNNVV đóng góp	Tỷ lệ, định mức tối đa tại ND-CP	Điều, khoản tham chiếu				
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h				i	j=g-h-i	k	l	m
1	Khóa đào tạo khởi sự kinh doanh	Khóa	4	16	64	64	64	64	0	100%	Khoản 1 Điều 14				
2	Khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cơ bản	Khóa	2	27	54	54	38	16	70%	70%	Khoản 1 Điều 14				
3	Khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu	Khóa	2	52	104	104	73	31	70%	70%	Khoản 1 Điều 14				
4	Khóa đào tạo tại doanh nghiệp sản xuất, chế biến	Khóa	2	48	96	96	67	29	70%	70%	Khoản 3 Điều 14				
Tổng cộng:					318	318	242	0	76						

